

Số: 109/BC-UBND

Đồng Sơn, ngày 04 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2023;
Phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2024**
(Trình tại kỳ họp thứ 6 HĐND xã khoá XXI, nhiệm kỳ 2021-2025)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2023

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thành phố Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND xã Đồng Sơn về việc dự toán thu và phân bổ chi Ngân sách nhà nước xã Đồng Sơn năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 10/07/2023 của Hội đồng nhân dân xã Đồng Sơn khoá XXI - kỳ họp thứ 5 về bổ sung dự toán thu - chi ngân sách xã Đồng Sơn năm 2023;

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, giám sát của HĐND xã, UBND xã đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2023, kết quả thực hiện như sau:

A. TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NĂM 2023 (Kèm theo biểu 01)

I. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Ước thực hiện năm 2023: 17.750.359.493 đồng, đạt 32% KH năm và bằng 9% so với cùng kỳ, trong đó:

1. Lệ phí môn bài: 105.795.000 đồng, đạt 179% KH năm và bằng 112% so với cùng kỳ.

2. Thuế giá trị gia tăng: 184.696.176 đồng, đạt 77% KH năm và bằng 53% so với cùng kỳ.

3. Thu phí, lệ phí: 41.128.000 đồng, đạt 165% KH năm và bằng 63% so với cùng kỳ.

4. Thuế thu nhập cá nhân: 1.224.221.943 đồng, đạt 39% KH năm và bằng 20% so với cùng kỳ.

5. Lệ phí trước bạ nhà đất: 345.100.174 đồng, đạt 20% KH năm và bằng 12% so với cùng kỳ.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 249.380.550 đồng, đạt 120% KH năm và bằng 90% so với cùng kỳ.

7. Thu từ quỹ đất công ích và thu khác: 569.537.650 đồng, đạt 475% KH năm và bằng 126% so với cùng kỳ.

8. Thu tiền sử dụng đất: 15.030.500.000 đồng, đạt 30% KH năm và bằng 8% so với cùng kỳ.

II. TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ:

Tổng thu ngân sách xã ước thực hiện năm 2023: 34.160.027.520 đồng đạt 137 % KH năm và bằng 86% so với cùng kỳ, trong đó:

1. Lệ phí môn bài: 105.795.000 đồng, đạt 200% KH năm và bằng 124% so với cùng kỳ.

2. Thuế giá trị gia tăng: 103.530.054 đồng, đạt 48% KH năm và bằng 33% so với cùng kỳ.

3. Thu phí, lệ phí: 41.128.000 đồng, đạt 165% KH năm và bằng 63% so với cùng kỳ.

4. Thuế thu nhập cá nhân: 414.687.340 đồng, đạt 42% KH năm và bằng 22% so với cùng kỳ.

5. Lệ phí trước bạ nhà đất: 103.530.054 đồng, đạt 20% KH năm và bằng 12% so với cùng kỳ.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 249.380.550 đồng, đạt 120% KH năm và bằng 90% so với cùng kỳ.

7. Thu từ quỹ đất công ích và thu khác: 569.537.650 đồng, đạt 475% KH năm và bằng 126% so với cùng kỳ.

8. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 14.810.000.000 đồng

9. Thu kết dư ngân sách năm 2022 chuyển sang: 9.095.872 đồng

10. Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.196.000.000 đồng

11. Thu bổ sung ngân sách do hụt thu ngân sách: 928.000.000 đồng

12. Thu bổ sung có mục tiêu: 13.629.343.000.000 đồng.

Trong đó: Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: 4.214.934.000 đồng; Hỗ trợ cho các phường xã chi trả tiền cho đội TTĐT năm: 108.000.000 đồng; Hỗ trợ thôn Đồng Sau về đích NTM kiểu mẫu: 20.000.000 đồng; Hỗ trợ các thôn tổ chức Trung thu năm 2023: 12.000.000 đồng; Hỗ trợ phòng dịch bệnh mùa hè năm 2023: 40.200.000 đồng; Hỗ trợ dân quân huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập dân quân tự vệ năm 2023: 268.000.000 đồng; Cấp kinh phí cho các phường, xã thực hiện hoàn trả nguồn CCTL theo kiến nghị thanh tra bộ Tài chính tại Kết Luận số 923/KL-TTr ngày 07/09/2021: 1.581.000.000 đồng; hỗ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Quan, Tân Mỹ, Chùa: 3.223.209.000 đồng; hỗ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Sau: 1.700.000.000 đồng; Hỗ trợ kinh phí đại hội Hội Nông dân nhiệm kỳ 2023-2028: 50.000.000 đồng; Hỗ trợ kinh phí thực hiện theo Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 05/12/2022: 10.000.000 đồng; Hỗ trợ tổ dân vận cộng đồng năm 2023: 30.000.000 đồng; Hỗ trợ các thôn tổng kết 20 năm tổng kết ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc: 12.000.000 đồng; Hỗ trợ UBND xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2023 (đợt 2): 60.000.000 đồng, Hỗ trợ kinh phí phát triển đất trồng lúa sữa chữa hồ Hang Khuyên, Hồ núi Rót: 2.300.000.000 đồng

B. TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023 (Kèm theo biểu 02)

Tổng chi ngân sách ước thực hiện năm 2023: 33.802.689.068 đồng đạt 137% KH năm và bằng 219% so với cùng kỳ. Trong đó

I. CHI XDCB: 10.810.057.000 đồng đạt 74% KH năm và bằng 115% so với cùng kỳ.

II. CHI THƯỜNG XUYÊN: 22.882.632.068 đồng đạt 431% KH năm và bằng 439% so với cùng kỳ.

1. Chi quân sự: 300.449.700 đồng đạt 100% KH năm và bằng 95% so với cùng kỳ. Bao gồm chi phụ cấp, trợ cấp, huấn luyện, tuyển quân, hội thao, khen thưởng, chi trực bảo vệ ANTT nhân dịp lễ 30/4, 1/5, 2/9, chi thội thao, hội thi, tiền ăn cho dân quân và các nhiệm vụ khác...

2. Chi an ninh: 161.145.836 đồng đạt 102% KH năm và bằng 317% so với cùng kỳ. Bao gồm hỗ trợ công an xã trực tuần tra bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phụ cấp cán bộ dân phòng ...

3. Chi sự nghiệp văn hóa: 144.154.000 đồng đạt 96% KH năm và bằng 146% so với cùng kỳ. Bao gồm chi tổ chức các hoạt động văn hóa thông tin, trang trí, tuyên truyền phục vụ các ngày lễ lớn tết dương lịch, tết âm lịch, 2/9, 30/4, 1/5...

4. Chi thể thao: 55.260.000 đồng đạt 99% KH năm và bằng 62% so với cùng kỳ. Bao gồm chi các hoạt động thể thao trên địa bàn xã và thành phố,.

5. Chi sự nghiệp kinh tế: 262.510.000 đồng đạt 103 % KH năm và bằng 214% so với cùng kỳ. Bao gồm chi tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc vật nuôi vụ hè, vụ thu đông năm 2020; hỗ trợ các thôn mua thuốc diệt chuột vụ xuân và vụ mùa.

6. Chi sự nghiệp xã hội: 821.072.200 đồng đạt 109% KH năm và bằng 127% so với cùng kỳ. Bao gồm chi phụ cấp cán bộ hưu xã, chi chúc thọ mừng thọ, dọn dẹp nghĩa trang nhân ngày 27/7 ...).

7. Chi quản lý Nhà nước: 2.872.182.000 đồng đạt 105% KH năm và bằng 127% so với cùng kỳ. Bao gồm chi lương, các khoản có tính chất tiền lương, phụ cấp công vụ, chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách ở xã và ở thôn, phụ cấp cán bộ khuyến nông, thú y cơ sở, phụ cấp công an viên, chi BHXH, BHYT, kinh phí hoạt động của UBND xã.

8. Chi hoạt động Đảng bộ: 533.968.330 đồng đạt 100% KH năm và bằng 153% so với cùng kỳ. Bao gồm chi lương cán bộ, phụ cấp BCH, phụ cấp cán bộ không chuyên trách ở xã và ở thôn, tiền báo chi bộ và kinh phí hoạt động của Đảng của tổ chức cơ sở Đảng theo QĐ số 99-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương và chỉ thị số 03-CT/TW của bộ chính trị)

9. Chi khối đoàn thể: 848.955.102 đồng đạt 106% KH năm và bằng 124% so với cùng kỳ. Bao gồm chi lương, các khoản có tính chất tiền lương, phụ cấp cán bộ khối đoàn thể và kinh phí hoạt động của khối đoàn thể.

Phụ cấp cán bộ không chuyên trách ở xã và ở thôn. Phụ cấp trưởng ban công tác mặt trận và trưởng các đoàn thể kinh phí hoạt động của ban thanh tra nhân dân giám sát cộng đồng. Kinh phí cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu ở dân cư.

Đại hội Hội Nông dân nhiệm kỳ 2023-2028.

10. Chi hoạt động HĐND: 193.182.000 đồng đạt 100% KH năm và bằng 48% so với cùng kỳ. Bao gồm chi phụ cấp Đại biểu HĐND, kinh phí hoạt động của HĐND xã.

11. Chi Hội NCT: 56.605.200 đồng đạt 100% kế hoạch và bằng 99% so với cùng kỳ. Bao gồm chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách ở xã, ở thôn, chi hoạt động của hội.

12. Chi hội Chữ thập đỏ: 21.566.700 đồng đạt 92% kế hoạch năm và bằng 70% so với cùng kỳ. Bao gồm chi phụ cấp Chủ tịch hội CTĐ, chi hoạt động của hội.

13. Chi khác: 22.910.000 đồng đạt 100% kế hoạch năm và bằng 46% so với cùng kỳ. Bao gồm hỗ trợ thu gom rác thải, hỗ trợ hội người mù 3 xã Đồng Sơn, Song Khê, Tân Mỹ tổng kết, ...

14. Chi bổ sung có mục tiêu: 11.438.143.000 đồng. Trong đó: Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang: 4.214.934.000 đồng; hỗ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Quan, Tân Mỹ, Chùa: 3.223.209.000 đồng; hỗ trợ nhà văn hóa thôn Đồng Sau: 1.700.000.000 đồng; Hỗ trợ kinh phí phát triển đất trồng lúa sữa chữa hồ Hang Khuyên, Hồ núi Rót: 2.300.000.000 đồng

15. Chi chuyển nguồn để thực hiện CCTL năm 2024: 5.122.528.000 đồng

III. Chi dự phòng: 110.000.000 đồng

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thu ngân sách xã.

a. Ưu điểm:

- Đảng uỷ, HĐND, UBND xã quan tâm chỉ đạo sát sao, sự cố gắng phấn đấu của cả hệ thống chính trị, hội đồng tư vấn thuế có nhiều cố gắng trong việc tham mưu công tác thu để đảm bảo nguồn cân đối ngân sách.

- Thu ngân sách xã năm 2023 ước thực hiện 137% so với KH năm, nhiều khoản thu hoàn thành và vượt kế hoạch giao như: Đất công ích, thu khác đạt 475%; Lệ phí môn bài đạt 124%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 120%; Thu phí, lệ phí đạt 165% KH năm...

b. Tồn tại:

- Một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa hoàn thành kế hoạch giao như: Lệ phí trước bạ nhà, đất đạt 20%; Thuế thu nhập cá nhân từ bất động sản đạt 42%; Thuế giá trị gia tăng đạt 48% KH năm.

- Trong bối cảnh kinh tế chịu nhiều tác động bất lợi, khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng, chậm phục hồi đấu giá quyền sử dụng đất không đạt kế hoạch giao dẫn đến nhiều loại thuế, phí không hoàn thành kế hoạch.

2. Chi ngân sách xã:

Công tác điều hành chi ngân sách luôn thực hiện chỉ đạo của chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh. Chi ngân sách cơ bản bám sát dự toán chi theo Nghị quyết của HĐND xã, việc sử dụng kinh phí của các ban ngành, đơn vị cơ bản tiết kiệm, chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức. NSNN được điều hành chủ động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi theo dự toán, đảm nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Quản lý chi đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và

Luật đầu tư công. Điều hành chi trong phạm vi kế hoạch vốn được giao, không để phát sinh nợ đọng XDCB.

V. TỒN TẠI:

Một số nhiệm vụ chi ngân sách mới phát sinh chưa có hướng dẫn chi; một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa hoàn thành nên ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành ngân sách.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2023.

- Hoàn thành xây dựng 10 công trình tổng kinh phí đầu tư 16,55 tỷ đồng: *Trong đó:* Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước thải tại 05 thôn (Tân Mỹ, Phần Sơn, Sòi, Đồng Sau, Đồng Quan) trị giá 4,5 tỷ đồng; Nâng cấp và thảm nhựa đường giao thông, rãnh thoát nước ngõ 32, ngõ ông Năm thôn Đồng Quan trị giá 0,736 tỷ đồng; Lát hè nâng cấp đường trục chính thôn Đồng Sau trị giá 3,742 tỷ đồng; Nâng cấp và thảm nhựa đường giao thông, rãnh thoát nước ngõ 21,43,44 thôn Chùa trị giá 0,902 tỷ đồng; Cải tạo nhà văn hóa thôn Đồng Quan trị giá 2,2 tỷ đồng; Cải tạo nhà văn hóa thôn Tân Mỹ trị giá 2,1 tỷ đồng; Nâng cấp và thảm nhựa đường giao thông, rãnh thoát nước ngõ 21 thôn Sòi trị giá 0,45 tỷ đồng; Nâng cấp và thảm nhựa đường giao thông, rãnh thoát nước ngõ 42 thôn Sòi trị giá 0,12 tỷ đồng; Nâng cấp và thảm nhựa đường giao thông, rãnh thoát nước ngõ nhà ông Ba thôn Chùa và lát hè cổng trường Tiểu Học trị giá 1,4 tỷ đồng; Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng cụm Đồng Sung trị giá 0,4 tỷ đồng.

Đang thi công các dự án trị giá 78,21 tỷ đồng: *Trong đó:* Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Đồng Sau (giai đoạn 2) trị giá 39,93 tỷ đồng; Cải tạo nâng cấp trường Trung học cơ sở Đồng Sơn trị giá 32 tỷ đồng; Xây dựng nhà văn hóa thôn Chùa trị giá 3,8 tỷ đồng; Cải tạo nhà văn hóa thôn Đồng Sau trị giá 2,48 tỷ đồng

Khởi công 04 công trình trị giá 7,634 tỷ đồng: *Trong đó:* Cải tạo Ao Đình thôn Sòi và đường trục chính thôn Phần Sơn trị giá 2,77 tỷ đồng; Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn xã trị giá 1,764 tỷ đồng; Sửa chữa, nâng cấp hồ Hang Khuyên thôn Phần Sơn trị giá 1,5 tỷ đồng; Sửa chữa kè tràn, nạo vét lòng hồ Núi Rót thôn Phần Sơn trị giá 1,6 tỷ đồng

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH VÀ PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND thành phố Bắc Giang Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024 cho xã Đồng Sơn;

UBND xã Đồng Sơn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ chi ngân sách năm 2024 cụ thể như sau:

A. THU NGÂN SÁCH NĂM 2024 (Kèm theo biểu 03)

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước: 103.418.000.000 đồng bằng 187% so với dự toán năm 2023, trong đó:

1. Lệ phí môn bài: 68.000.000 đồng bằng 115% so với dự toán năm 2023
2. Thuế giá trị gia tăng: 175.000.000 đồng bằng 73% so với dự toán năm 2023
3. Thu phí, lệ phí: 50.000.000 đồng bằng 200% so với dự toán năm 2023
4. Thuế thu nhập cá nhân: 1.270.000.000 đồng bằng 41% so với dự toán năm 2023
5. Lệ phí trước bạ nhà đất: 1.050.000.000 đồng bằng 62% so với dự toán năm 2023
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 230.000.000 đồng bằng 111% so với dự toán năm 2023.
7. Thu từ quỹ đất công ích và thu khác: 575.000.000 đồng bằng 479% so với dự toán năm 2023.
8. Thu tiền sử dụng đất: 100.000.000.000 đồng bằng 200% so với dự toán năm 2023.

II. THU NGÂN SÁCH XÃ.

Tổng thu ngân sách xã năm 2024: 6.652.000.000 đồng đạt 122% so với dự toán năm 2023, trong đó:

1. Lệ phí môn bài: 61.000.000 đồng bằng 78% so với dự toán năm 2023
2. Thuế giá trị gia tăng: 158.000.000 đồng bằng 73% so với dự toán năm 2023
3. Thu phí, lệ phí: 50.000.000 đồng bằng 200% so với dự toán năm 2023
4. Thuế thu nhập cá nhân: 383.000.000 đồng bằng 39% so với dự toán năm 2023
5. Lệ phí trước bạ nhà đất: 315.000.000 đồng bằng 62% so với dự toán năm 2023
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 230.000.000 đồng bằng 111% so với dự toán năm 2023.
7. Thu từ quỹ đất công ích và thu khác: 575.000.000 đồng bằng 479% so với dự toán năm 2023.
8. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang thực hiện CCTL: 538.000.000 đồng
9. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2024 thực hiện CCTL: 132.000.000 đồng.
10. Tăng thu dự toán năm 2024 thực hiện CCTL: 250.000.000 đồng.
11. Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.745.000.000 đồng bằng 117% so với dự toán năm 2023.
12. Thu bổ sung có mục tiêu: 415.000.000 đồng

B. DỰ TOÁN CHI VÀ PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 (Kèm theo biểu 04)

Tổng chi ngân sách xã năm 2024: 6.852.000.000 đồng đạt 80% so với dự toán năm 2023, trong đó:

I. CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN: 0 đồng

II. CHI THƯỜNG XUYÊN: 6.419.000.000 đồng, bằng 115% số với dự toán năm 2023

1. Chi An ninh: 159.000.000 đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2023.
2. Chi Quốc phòng: 304.000.000 đồng, bằng 105% so với dự toán năm 2023.
3. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 152.000.000 đồng, bằng 101% so với dự toán năm 2023.

4. Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 57.000.000 đồng, bằng 102% so với dự toán năm 2023.

5. Chi sự nghiệp kinh tế: 256.000.000 đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2023.

6. Chi sự nghiệp truyền thanh: 68.000.000 đồng, bằng 102% so với dự toán năm 2023.

7. Chi sự nghiệp môi trường: 30.000.000 đồng

8. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 830.000.000 đồng, bằng 110% so với dự toán năm 2023.

9. Chi quản lý NN hành chính: 4.225.000.000 đồng, bằng 118% so với dự toán năm 2023. Trong đó:

9.1. Chi hoạt động UBND: 3.571.820.000 đồng.

9.2. Chi hoạt động HĐND: 217.980.000 đồng

9.3. Chi hoạt động công tác Đảng: 276.200.000 đồng

9.4. Chi hoạt động Mặt trận tổ quốc: 79.140.000 đồng

9.5. Chi hoạt động Đoàn Thanh niên: 27.390.000 đồng

9.6. Chi hoạt động Hội liên hiệp phụ nữ: 12.390.000 đồng

9.7. Chi hoạt động hội Nông dân: 12.390.000 đồng

9.8. Chi Hội Cựu chiến binh: 12.390.000 đồng

9.9. Chi hoạt động Hội Chữ thập đỏ: 7.650.000 đồng

9.10. Chi hoạt động Hội Người cao tuổi: 7.650.000 đồng

10. Chi khác ngân sách: 23.000.000 đồng, bằng 100% so với dự toán năm 2023.

11. Chi tiết kiệm chi 10%: 132.000.000 đồng

III. CHI TẠO NGUỒN CCTL NĂM 2024: 250.000.000 đồng

IV. CHI DỰ PHÒNG: 183.000.000 đồng, bằng 166% so với dự toán năm 2023

C. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024.

I. Thu ngân sách:

1. Tập trung cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của MTTQ, các đoàn thể và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ thu Ngân sách nhà nước, xác định nhiệm vụ thu Ngân sách là một nhiệm vụ trọng tâm, có kế hoạch phân kỳ cụ thể, định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện và có biện pháp chỉ đạo cụ thể kịp thời.

2. Tiếp tục duy trì, phối kết hợp giữa Chi cục thuế, Đội thuế số 1 với các ngành và bộ phận thực hiện thu Ngân sách nhà nước, tăng cường kiểm tra, rà soát các hộ kinh doanh trên địa bàn.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thuế, phí, lệ phí, các khoản thu đóng góp để nhân dân và các hộ kinh doanh hiểu và nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

4. Tổ chức phát động phong trào thi đua từ xã đến các thôn và động viên khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác thu ngân sách. Xử lý nghiêm các đối tượng nộp thuế có hành vi gian lận, chây ì, nợ đọng, trốn thuế.

II. CHI NGÂN SÁCH:

1. Tổ chức thực hiện quản lý điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách, Luật đầu tư công và Nghị quyết của HĐND xã; đảm bảo nguồn kinh phí chi trả, thanh toán kịp thời, đúng tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định và kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Thực hiện nghiêm Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng chế độ quy định, tiết kiệm chi thường xuyên, giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, lễ hội.....

3. Căn cứ vào tiến độ thực hiện thu ngân sách, chủ động rà soát, sắp xếp đề cắt giảm hoặc đẩy lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách để đảm bảo cân đối ngân sách.

4. Duy trì tốt chế độ thông tin báo cáo; chế độ công khai Dự toán, Quyết toán ngân sách theo quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2023, dự toán thu chi và phân bổ dự toán ngân sách năm 2024, đề nghị HĐND xem xét phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- TT HĐND - UBND thành phố;
- Phòng tài chính - KH TP;
- TT Đảng uỷ - HĐND xã;
- Đại biểu dự kỳ họp;
- Lưu VP - Lưu HSKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Thắng

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	BS 6 tháng đầu năm 2023	Dự toán sau bổ sung năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh (%)	
						TH/DT (%)	TH/CK (%)
A	THU NGÂN SÁCH NN	55.452.000.000	-	55.452.000.000	17.750.359.493	32%	9%
1	Lệ phí môn bài	59.000.000		59.000.000	105.795.000	179%	112%
2	Thuế giá trị gia tăng	240.000.000		240.000.000	184.696.176	77%	53%
3	Thu phí, lệ phí	25.000.000		25.000.000	41.128.000	165%	63%
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.100.000.000		3.100.000.000	1.224.221.943	39%	20%
5	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.700.000.000		1.700.000.000	345.100.174	20%	12%
6	Thuế sử dụng đất PNN	208.000.000		208.000.000	249.380.550	120%	90%
7	Thu từ quỹ đất công ích, thu khác	120.000.000	-	120.000.000	569.537.650	475%	126%
	- Thu đất công ích từ quỹ đất công, thu khác	120.000.000		130.000.000	45.682.150	35%	97%
	- Thu đất công ích khi NN hỗ trợ thu hồi đất				523.855.500		129%
8	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000.000		50.000.000.000	15.030.500.000	30%	8%
B	THU NGÂN SÁCH XÃ	8.438.000.000	11.810.000.000	24.871.134.000	34.160.027.520	137%	86%
I	Các khoản xã hưởng 100%	3.265.000.000	11.810.000.000	14.955.000.000	15.429.761.522	103%	89%
1	Thu phí, lệ phí	25.000.000		25.000.000	41.128.000	165%	63%
2	Thu từ quỹ đất công ích, thu khác	120.000.000		120.000.000	569.537.650	475%	126%
	- Thu đất công ích từ quỹ đất công, thu khác	120.000.000		130.000.000	45.682.150	35%	97%
	- Thu đất công ích khi NN hỗ trợ thu hồi đất				523.855.500		130%
3	Thu chuyên nguồn năm trước chuyển sang	3.000.000.000	11.810.000.000	14.810.000.000	14.810.000.000	100%	59%
4	Thu kết dư ngân sách năm 2022 chuyển sang				9.095.872		
II	Các khoản phân chia theo tỷ lệ %	1.977.000.000	-	1.977.000.000	976.922.998	49%	6%
1	Lệ phí môn bài	53.000.000	-	53.000.000	105.795.000	200%	124%
2	Thuế giá trị gia tăng	216.000.000	-	216.000.000	103.530.054	48%	33%
3	Thuế thu nhập cá nhân	990.000.000		990.000.000	414.687.340	42%	22%
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	510.000.000		510.000.000	103.530.054	20%	12%
5	Thuế sử dụng đất PNN	208.000.000	-	208.000.000	249.380.550	120%	90%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.464.000.000	4.475.134.000	7.939.134.000	17.753.343.000	224%	360%
1	Bổ sung cân đối NS	3.196.000.000		3.196.000.000	3.196.000.000		
2	Bổ sung có mục tiêu	268.000.000	4.475.134.000	4.743.134.000	13.629.343.000		
3	Bổ sung ngân sách do hụt thu				928.000.000		

BIỂU QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Bổ sung 6 tháng đầu năm 2023	Dự toán sau bổ sung năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh (%) TH/DT	
						(%) TH/DT	(%) TH/CK
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	8.441.400.000	16.285.134.000	24.726.534.000	33.802.689.068	137%	219%
I	Chi đầu tư XDCB	3.000.000.000	11.679.934.000	14.679.934.000	10.810.057.000	74%	115%
II	Chi thường xuyên	5.331.400.000	4.605.200.000	9.936.600.000	22.882.632.068	429%	436%
1	Chi quân sự	288.500.000	12.000.000	300.500.000	300.449.700	100%	95%
2	Chi an ninh	158.600.000		158.600.000	161.145.836	102%	317%
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	150.300.000		150.300.000	144.154.000	96%	146%
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	55.800.000		55.800.000	55.260.000	99%	62%
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	66.600.000		66.600.000	28.000.000	42%	56%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	255.600.000		255.600.000	262.510.000	103%	214%
7	Chi sự nghiệp xã hội	754.000.000		754.000.000	821.072.200	109%	127%
8	Chi quản lý nhà nước	2.191.557.000	545.111.000	2.736.668.000	2.872.182.000	105%	127%
9	Chi khối Đảng	436.500.000	97.013.000	533.513.000	533.968.330	100%	153%
10	Chi Mặt trận tổ quốc	233.740.000	28.415.000	262.155.000	261.440.262	100%	133%
11	Chi đoàn thanh niên	118.295.000	9.845.000	128.140.000	132.215.206	103%	97%
12	Chi hội phụ nữ	116.921.000	11.030.000	127.951.000	119.271.870	93%	88%
13	Chi hội nông dân	126.420.000	62.448.000	188.868.000	177.487.950	94%	153%
14	Chi hội cựu chiến binh	102.156.000	9.287.000	111.443.000	158.539.814	142%	164%
15	Chi hoạt động HĐND	179.464.000	13.950.000	193.414.000	193.182.000	100%	48%
16	Chi Hội Chữ thập đỏ	21.954.000	1.488.000	23.442.000	21.566.700	92%	70%
17	Chi Hội NCT	51.993.000	4.613.000	56.606.000	56.605.200	100%	99%
18	Chi khác	23.000.000		23.000.000	22.910.000	100%	46%
19	Chi BS có mục tiêu				11.438.143.000		
20	Chi cải cách tiền lương		3.810.000.000	3.810.000.000	5.122.528.000		
	Nguồn CCTL còn lại các năm trước chuyển sang còn		3.460.000.000	3.460.000.000	3.396.928.000		
	Tiết kiệm chi 10% để thực hiện nguồn CCTL năm 2023	144.600.000		144.600.000	144.600.000		
	Thành phố cấp hoàn trả nguồn CCTL theo kiến nghị thanh tra bộ Tài chính tại Kết Luận số 923/KL-TTr ngày 07/09/2021				1.581.000.000		
III	Dự phòng	110.000.000		110.000.000	110.000.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (%) DT 2024/DT 2023
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	55.452.000.000	103.418.000.000	187%
1	Lệ phí môn bài	59.000.000	68.000.000	115%
2	Thuế giá trị gia tăng	240.000.000	175.000.000	73%
3	Thu phí, lệ phí	25.000.000	50.000.000	200%
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.100.000.000	1.270.000.000	41%
5	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.700.000.000	1.050.000.000	62%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	208.000.000	230.000.000	111%
7	Thu từ quỹ đất công ích và thu khác	120.000.000	575.000.000	479%
8	Thu tiền sử dụng đất	50.000.000.000	100.000.000.000	200%
B	THU NGÂN SÁCH XÃ	5.611.000.000	6.852.000.000	122%
I	Các khoản xã hưởng 100%	145.000.000	625.000.000	431%
1	Thu phí, lệ phí	25.000.000	50.000.000	200%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu khác	120.000.000	575.000.000	479%
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang	3.000.000.000		
II	Các khoản phân chia theo tỷ lệ %	2.002.000.000	1.147.000.000	57%
1	Lệ phí môn bài	78.000.000	61.000.000	78%
2	Thuế giá trị gia tăng	216.000.000	158.000.000	73%
3	Thuế thu nhập cá nhân	990.000.000	383.000.000	39%
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	510.000.000	315.000.000	62%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	208.000.000	230.000.000	111%
III	Thu từ nguồn khác		920.000.000	
1	Thu chuyển nguồn năm trước sang để thực hiện CCTL		538.000.000	
2	Thu tăng thu dự toán năm 2024		250.000.000	
3	Thu 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024		132.000.000	
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.464.000.000	4.160.000.000	120%
1	Bổ sung cân đối NS	3.196.000.000	3.745.000.000	117%
2	Bổ sung có mục tiêu	268.000.000	415.000.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023)



ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	So sánh (%) DT 2024/DT 2023
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	8.586.000.000	6.852.000.000	80%
I	Chi đầu tư XDCB	3.000.000.000	-	0%
II	Chi thường xuyên	5.586.000.000	6.419.000.000	115%
1	Chi Quốc phòng	288.500.000	304.000.000	105%
2	Chi An ninh	158.600.000	159.000.000	100%
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	150.300.000	152.000.000	101%
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	55.800.000	57.000.000	102%
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	66.600.000	68.000.000	102%
6	Chi sự nghiệp kinh tế	255.600.000	256.000.000	100%
7	Sự nghiệp môi trường		30.000.000	0%
8	Chi sự nghiệp xã hội	754.000.000	830.000.000	110%
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.579.000.000	4.408.000.000	123%
9	Chi Quản lý NN	2.371.021.000	3.972.800.000	168%
9.1	Chi UBND	2.191.557.000	3.754.820.000	171%
9.2	Chi hoạt động HĐND	179.464.000	217.980.000	121%
9.3	Chi khối Đảng	436.500.000	276.200.000	63%
9.4	Chi Mặt trận tổ quốc	233.740.000	79.140.000	34%
9.5	Chi đoàn thanh niên	118.295.000	27.390.000	23%
9.6	Chi hội phụ nữ	116.921.000	12.390.000	11%
9.7	Chi hội nông dân	126.420.000	12.390.000	10%
9.8	Chi hội cựu chiến binh	102.156.000	12.390.000	12%
9.9	Chi Hội Chữ thập đỏ	21.954.000	7.650.000	35%
9.10	Chi Hội NCT	51.993.000	7.650.000	15%
10	Chi khác	23.000.000	23.000.000	100%
11	Chi tiết kiệm chi 10%	144.600.000	132.000.000	91%
III	Chi tạo nguồn CCTL		250.000.000	0%
IV	Dự phòng	110.000.000	183.000.000	166%